



THỰC TRẠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC HÌNH THỨC TIẾP CẬN THÔNG TIN PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN TRONG ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

PGS.TS Nguyễn Tất Viễn *

1. Quyền tiếp cận thông tin pháp luật và nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân ở nước ta hiện nay

1.1. Quyền được thông tin - quyền Hiến định của công dân

Quyền được thông tin là một trong những quyền cơ bản của con người, được ghi nhận trong hai văn kiện quốc tế quan trọng về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia, đó là Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966. Quyền được thông tin là một quyền mang tính Hiến định của công dân. Điều 69 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã ghi nhận: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin... theo quy định của pháp luật”.

Trong thời đại ngày nay, tiếp cận thông tin không chỉ là quyền, mà còn là một nhu cầu cấp thiết cần phải bảo đảm đối với mọi công dân, bởi thông tin, đặc biệt là thông tin về pháp luật, chính sách và hoạt động của các cơ quan nhà nước, được coi là một trong những yếu tố rất quan trọng khi xã hội được quản lý, vận hành theo các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền. Quyền được thông tin của người dân là phương thức hữu hiệu gắn bó Nhà nước với nhân dân, khắc phục tệ quan liêu, nâng cao tính minh bạch của chính sách và tính hiệu quả của quản lý nhà nước; thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trước công dân, đồng thời là một trong những phương thức, phương tiện để nhân dân làm chủ đất nước, thực sự tham gia vào quản lý nhà nước và quản lý xã hội, thực hiện phương châm “dân

* Bộ Tư pháp.

biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Nó không những là quyền người dân được hưởng, mà còn là tiền đề để đảm bảo thực hiện các quyền cơ bản khác của công dân.

Quyền được thông tin của công dân bao gồm hai khía cạnh: một là, quyền của công dân chủ động tiếp cận, thu thập thông tin; hai là, quyền của công dân được các cơ quan nhà nước cung cấp thông tin. Trong các thông tin mà người dân có quyền được tiếp cận, thì thông tin pháp luật đóng vai trò quan trọng, giúp người dân hiểu và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình, góp phần hình thành, phát triển ý thức và lối sống theo pháp luật. Bảo đảm quyền được thông tin và tiếp cận pháp luật sẽ góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho một xã hội dân chủ và Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Thông tin pháp luật bao gồm hai mảng chủ yếu: một là, thông tin về nội dung các quy định của pháp luật; hai là, thông tin về thực hiện pháp luật, nhất là hoạt động của các cơ quan nhà nước, ví dụ: hoạt động xét xử của Tòa án, hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước...

Quyền tiếp cận thông tin pháp luật của người dân phải được bảo đảm một cách toàn diện với ba yêu cầu: thông tin đầy đủ, đúng đắn và kịp thời. Thông tin pháp luật đầy đủ là thông tin bao quát, hàm chứa đầy đủ các tin tức về pháp luật, làm thoả mãn nhu cầu và lợi ích đa dạng của các tầng lớp, nhóm xã hội và công dân. Thông tin pháp luật đúng đắn là thông tin phản ánh khách quan, chân thực các quá trình, sự kiện xảy ra trong đời sống pháp lý của xã hội [5]. Còn thông tin pháp luật kịp thời được hiểu là thông tin đến với người dân đúng thời điểm cần thiết, không chậm trễ, từ đó giúp họ có được xử sự kịp thời trước các tình huống, vấn đề mới nảy sinh.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, nhiều người dân chưa chủ động tiếp cận, tìm hiểu thông tin, trong đó có thông tin pháp luật, nhất là người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Vì vậy, hoạt động cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo cho người dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin, tiếp cận pháp luật. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) là hình thức chủ yếu của tiếp cận pháp luật, có vai trò là cầu nối để đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến với người dân. PBGDPL góp phần nâng cao ý thức chủ động, tích cực tìm hiểu pháp luật và chấp hành pháp luật của công dân, đồng thời cũng hình thành, củng cố nếp sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

1.2. Đôi nét về nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân hiện nay

Trong điều kiện mở rộng dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay, nhu cầu tìm hiểu, tiếp cận thông tin, đặc biệt là thông tin pháp luật của người dân, ngày càng gia tăng theo sự phát triển của xã hội. Điều đó dẫn đến hệ quả tất yếu là phải có một hệ thống đáp ứng nhu

cầu tiếp cận thông tin của người dân, đặc biệt cần đổi mới và hoàn thiện hoạt động PBGDPL và hệ thống cung cấp thông tin pháp luật.

Nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân rất đa dạng, tùy thuộc vào từng đối tượng và địa bàn cụ thể. Tuy chưa có điều tra, khảo sát toàn diện ở quy mô toàn quốc về nội dung pháp luật mà người dân có nhu cầu tìm hiểu, nhưng qua các công trình nghiên cứu, các kết quả khảo sát ở từng địa bàn, có thể thấy được những quy định pháp luật được nhiều người dân quan tâm nhất, trong đó trước hết phải kể đến pháp luật dân sự, đất đai, lao động, thương mại, vệ sinh an toàn thực phẩm, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, về khiếu nại, tố cáo... [4].

2. Thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật, đưa thông tin pháp luật đến với người dân

Trong những năm qua, kết quả của các nỗ lực to lớn trong hoạt động PBGDPL, đưa thông tin pháp luật đến với người dân được thể hiện rõ ở sự hiểu biết pháp luật của người dân đang từng bước được nâng cao.

2.1. *Thế chế về phổ biến, giáo dục pháp luật phục vụ việc tiếp cận thông tin pháp luật*

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác PBGDPL, đưa thông tin pháp luật đến với người dân. Các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc từ lần thứ IV đến lần thứ X đều khẳng định tầm quan trọng và vai trò của công tác PBGDPL. Từ những năm 80 của thế kỷ trước, Chính phủ đã có các văn bản về tăng cường công tác PBGDPL. Sau đó, công tác này đã được thực hiện bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể từ cuối những năm 90. Ngày 07/01/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg về việc tăng cường công tác PBGDPL trong giai đoạn hiện nay và Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg về việc ban hành kế hoạch triển khai công tác PBGDPL từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL của Chính phủ. Trên cơ sở kết quả và kinh nghiệm thực hiện công tác này trong giai đoạn 1998 - 2002, ngày 17/01/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình PBGDPL của Chính phủ từ năm 2003 đến năm 2007. Trước yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật và hội nhập kinh tế quốc tế, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09/12/2003 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.

Để tạo điều kiện cho các bộ, ngành, địa phương triển khai công tác PBGDPL có trọng tâm, trọng điểm hơn ở cơ sở, ngày 16/12/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động

quốc gia PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010. Ngày 07/12/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX), và ngay sau đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình PBGDPL từ năm 2008 đến năm 2012 (ban hành kèm theo Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ).

Nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện và vững chắc cho công tác PBGDPL, Quốc hội khoá XII đã đưa Luật PBGDPL vào Chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2007 - 2011 (Chương trình chuẩn bị). Hiện nay, Ban soạn thảo Luật này do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Trưởng ban đã bắt đầu khởi động việc xây dựng Dự thảo Luật PBGDPL để sớm trình Quốc hội ban hành trong thời gian tới.

2.2. Tổ chức và lực lượng cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL của Chính phủ, Bộ Tư pháp là cơ quan thường trực đã thường xuyên được kiện toàn và củng cố, hoạt động có hiệu quả. Tính đến tháng 8/2008, 16 bộ, ngành ở Trung ương đã thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL; 64/64 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL cấp tỉnh. Gần 100% huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã thành lập Hội đồng phối hợp cấp huyện; gần 80% đơn vị cấp xã cũng đã thành lập Hội đồng phối hợp. Đặc biệt, có doanh nghiệp đã thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL (ví dụ: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên than Na Dương ở Lạng Sơn). Hoạt động của các Hội đồng về cơ bản đáp ứng được yêu cầu phối hợp và hướng dẫn công tác PBGDPL.

Hiện nay ở trung ương, tổ chức pháp chế của các bộ, cơ quan ngang bộ là đầu mối chủ yếu tham mưu về công tác PBGDPL. Tính đến cuối tháng 12/2007, cả nước có 232 báo cáo viên pháp luật trung ương, 22.342 báo cáo viên cấp tỉnh và báo cáo viên cấp huyện, 87.346 tuyên truyền viên cấp xã, 60.832 người từ các lực lượng khác (đội ngũ báo cáo viên tuyên huấn của Đảng, giáo viên các trường Chính trị tỉnh, Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện tham gia PBGDPL; cán bộ công đoàn, cán bộ chiến sỹ tăng cường về cơ sở, già làng, trưởng bản, bí thư chi bộ, cựu chiến binh, cán bộ hưu trí, các chức sắc tôn giáo...) tham gia công tác PBGDPL.

Tính đến hết tháng 3/2008 đã có 62/64 Sở Tư pháp thành lập Phòng PBGDPL với 263 cán bộ chuyên trách. Nhiều sở, ban, ngành cấp tỉnh thành lập Phòng Pháp chế hoặc bố trí cán bộ pháp chế thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng pháp luật, PBGDPL. Phòng Tư pháp ở nhiều huyện được thành lập lại với hơn 2.400 cán bộ đã góp phần tăng thêm năng lực cho đội ngũ làm công tác PBGDPL ở địa phương.

Ở cấp cơ sở, cán bộ tư pháp - hộ tịch và các công chức khác của xã, phường, thị trấn trực tiếp làm công tác PBGDPL.

2.3. Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, đưa thông tin pháp luật đến với người dân

Theo tinh thần Chỉ thị số 32-CT/TW, các bộ, ngành chủ trì dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã đảm nhận trách nhiệm chính trong việc phổ biến và thực hiện văn bản pháp luật đó cho cán bộ, công chức của bộ, ngành mình; đồng thời đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, các đoàn thể ở Trung ương và chính quyền các cấp triển khai phổ biến đến cán bộ và nhân dân. Lấy tiêu chí đặc điểm địa bàn và đối tượng tuyên truyền làm cơ sở để xây dựng và triển khai kế hoạch PBGDPL, trong thời gian qua đã tập trung tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về dân sự, kinh tế (như Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp...); về quyền dân chủ của công dân (như Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Nghị quyết số 388/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra; các quy định pháp luật về dân chủ ở cơ sở...); về an ninh, trật tự (như Bộ luật Hình sự, các quy định pháp luật về trật tự an toàn giao thông, Luật Biên giới quốc gia, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm...); về hội nhập kinh tế quốc tế (như Luật Đầu tư, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, các quy định liên quan đến việc Việt Nam gia nhập WTO...); về văn hoá - xã hội (như Luật Giáo dục; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Luật Khoa học và công nghệ; Pháp lệnh Người cao tuổi; Pháp lệnh Người tàn tật, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo...). Ngoài ra, trong các đợt lấy ý kiến đóng góp vào các Dự án luật, đông đảo nhân dân đã tích cực tham gia và đóng góp nhiều ý kiến xác đáng cho Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự...

Các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đưa thông tin pháp luật đến với người dân rất đa dạng, phong phú và luôn được vận dụng sáng tạo. Có thể nêu ra một số hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật chủ yếu đã được tổng kết bước đầu, đó là:

- 1) PBGDPL trực tiếp (tuyên truyền miệng);
- 2) Biên soạn, phát hành các loại tài liệu PBGDPL;
- 3) Giáo dục pháp luật trong nhà trường;
- 4) Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật;
- 5) PBGDPL thông qua sinh hoạt của các câu lạc bộ pháp luật;
- 6) PBGDPL trên báo chí và trên mạng lưới truyền thanh cơ sở;

7) Xây dựng và khai thác tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn; tủ sách, ngăn sách pháp luật ở cơ quan, đơn vị, trường học;

8) PBGDPL thông qua hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý;

9) PBGDPL thông qua hoà giải ở cơ sở;

10) PBGDPL thông qua các loại hình văn hoá, văn nghệ (đặc biệt là các loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống) và hình thức sân khấu;

11) PBGDPL thông qua các phiên toà xét xử, nhất là các phiên toà lưu động.

Ngoài ra còn một số hình thức khác đang được thử nghiệm và tổng kết để áp dụng trên quy mô rộng.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, việc đẩy mạnh *ứng dụng công nghệ thông tin* và các biện pháp khác trong tuyên truyền, PBGDPL đã được đẩy mạnh. Các bộ, cơ quan ngang bộ đã kết nối mạng Internet, xây dựng website, sử dụng mạng LAN trong PBGDPL, có Cổng thông tin điện tử với trang về PBGDPL riêng (Bộ Tư pháp), đưa văn bản pháp luật mới ban hành trên mạng thông tin điện tử bằng tiếng nước ngoài (Thông tấn xã Việt Nam), xây dựng phần mềm giao lưu trực tuyến (Bộ Tài nguyên và Môi trường)... 100% UBND cấp tỉnh đã nối mạng tin học diện rộng của Chính phủ, mạng Internet; nhiều huyện, xã đã ứng dụng Internet trong PBGDPL.

Các hình thức PBGDPL mới đã được một số địa phương triển khai như: ký cam kết không vi phạm pháp luật với mọi đối tượng như học sinh, sinh viên, nhân dân ở tổ dân phố, khu dân cư, cụm dân cư, trường học. Các hình thức như "Ngày pháp luật" (Hà Tây), "Phiên chợ pháp luật" (Hà Giang, Lào Cai), "Sân khấu nhà nông" ở Hà Tĩnh, Bắc Giang, Hải Dương... mô hình "Giỏ sách pháp luật" ở các khu nhà trọ của công nhân các khu công nghiệp (Bình Dương) đã bước đầu phát huy tác dụng.

Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, kinh phí cho công tác PBGDPL trong 5 năm qua được quan tâm nhiều hơn. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 63/2005/TT-BTC ngày 05/8/2005 hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL.

3. Những khó khăn, trở ngại trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật cần khắc phục

Thứ nhất, công tác PBGDPL đặt trong môi liên hệ với môi trường xã hội đã và đang phải đối mặt với trở ngại không nhỏ từ tâm lý duy trì các mối quan hệ xã hội trên cơ sở tình cảm, chi phối bởi tình cảm mà ít khi dựa trên cơ sở pháp luật. Việc không sử dụng pháp luật, ngại ngừng, dè dặt trong giao tiếp xã hội bằng pháp

luật và thông qua pháp luật đã làm cho pháp luật có lúc, có nơi trở nên xa lạ, khó gần gũi, khó vận dụng.

Thứ hai, việc thiết chế làng xã bị chi phối bởi hương ước, luật tục cũng là thách thức không nhỏ đối với công tác PBGDPL trong việc đưa pháp luật đến với toàn thể nhân dân, nhất là ở cơ sở. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, việc bảo tồn, giữ gìn, phát huy những yếu tố tích cực của hương ước, luật tục là rất quan trọng đối với đời sống nhân dân. Mặc dù vậy, tâm lý “phép vua thua lệ làng” có lẽ đến giờ vẫn hiện hữu, chi phối khá mạnh đến thái độ, hành động của họ. Nhiều quy định của các hương ước, luật tục lạc hậu vẫn tồn tại trên thực tế, trở thành thói quen được sử dụng trong giao tiếp của người dân.

Thứ ba, thách thức đến từ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Hiện tại, trong mối tương quan các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày càng nhiều, việc phân loại, hệ thống hoá pháp luật chưa được thực hiện, tính ổn định của hệ thống quy phạm còn yếu, thì hệ thống tư vấn, trợ giúp pháp lý cho nhân dân còn hoạt động rất hạn chế, chưa phát huy hết vai trò hướng dẫn, tư vấn nhân dân áp dụng và thực hiện pháp luật... Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên vẫn phải chờ văn bản hướng dẫn thi hành của cơ quan nhà nước cấp dưới làm cho pháp luật chậm đi vào cuộc sống, công tác PBGDPL chậm trễ, khó triển khai.

Thứ tư, PBGDPL là công việc không mang lại kết quả trực tiếp, mà kết quả của nó ảnh hưởng lâu dài đến tư tưởng, nhận thức của nhân dân, đòi hỏi phải có thời gian và chỉ có thể đánh giá qua những diễn tiến, tình huống tâm lý, hành động cụ thể. Hiện nay, sự quan tâm của cộng đồng xã hội nói chung và một số các cấp chính quyền nói riêng đối với công tác PBGDPL còn hạn chế. Điều này là trở ngại lớn trong việc quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện về con người, cơ sở vật chất, kinh phí... phục vụ hoạt động PBGDPL.

4. Phương hướng hoàn thiện các hình thức tiếp cận thông tin pháp luật

Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đề ra phương hướng: "Phát triển hệ thống thông tin và phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng và triển khai Chương trình Quốc gia về phổ biến, giáo dục pháp luật dài hạn. Hình thành Trung tâm Thông tin pháp luật quốc gia, phát triển mạng lưới thông tin pháp luật. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển dịch vụ thông tin, tư vấn, hỗ trợ pháp luật đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhân dân và phù hợp với pháp luật. Đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo và các đối tượng chính sách theo hướng xã hội hoá. Tăng cường

trao đổi thông tin pháp luật với các tổ chức quốc tế và các quốc gia, trước hết là với các quốc gia thành viên ASEAN" [1]. Đây là những định hướng rất quan trọng và mang tính lâu dài cho việc đảm bảo thực hiện quyền tiếp cận thông tin pháp luật của người dân.

Trong thời gian tới, để tăng cường việc tiếp cận thông tin pháp luật cho người dân, cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

4.1. Đổi mới các hình thức tiếp cận thông tin pháp luật truyền thống và áp dụng rộng rãi các hình thức mới

– Hình thức *tuyên truyền miệng* vẫn cần được duy trì và phát huy, bởi đây là hình thức được sử dụng nhiều, có hiệu quả, dễ làm, ít tốn kém. Cần tăng cường PBGDPL thông qua tuyên truyền miệng theo tinh thần Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới, đặc biệt là cần đổi mới phương pháp giới thiệu văn bản pháp luật theo hướng *tăng cường trao đổi, đối thoại, thảo luận, giải đáp* những yêu cầu từ phía người được tuyên truyền nhằm nâng cao tính chủ động trong việc tiếp nhận thông tin pháp luật.

– Bên cạnh các tài liệu truyền thống như sách, tờ gấp pháp luật, cần đẩy mạnh việc xây dựng các tài liệu mang tính trực quan, sinh động, dễ thu hút đối tượng được tuyên truyền, như: băng, đĩa hình, đĩa tiếng (trong đó thu băng các cuộc nói chuyện về pháp luật, xây dựng phóng sự, tiểu phẩm pháp luật, tình huống pháp luật, phim về đề tài pháp luật), lịch, pa nô, áp phích, tranh cổ động, khẩu hiệu, băng rôn về chủ đề pháp luật. Các ấn phẩm pháp luật phổ thông cần được biên soạn đơn giản, dễ hiểu, có thể là những cuốn sách nhỏ, mỏng dưới dạng cẩm nang hay sách bỏ túi và phát miễn phí tới người dân. Đặc biệt, cần chú trọng biên soạn và phát hành tài liệu song ngữ dành cho đồng bào dân tộc thiểu số, người nước ngoài ở Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài.

– Nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật trong nhà trường bằng một số biện pháp như: (1) xây dựng, hoàn thiện và thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục pháp luật chính khoá phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo, tiến tới đưa môn giáo dục công dân - pháp luật thành môn thi tốt nghiệp Phổ thông Trung học bắt buộc; (2) đổi mới phương pháp dạy và học pháp luật theo hướng nâng cao tính chủ động, tích cực của học sinh, sinh viên và tính thực tiễn trong bài giảng của giáo viên, giảng viên; (3) đa dạng hoá các hình thức tổ chức giảng dạy pháp

luật trong nhà trường, (4) từng bước chính quy hoá, chuyên môn hoá đội ngũ giáo viên, giảng viên giảng dạy môn giáo dục công dân, pháp luật đại cương.

– Tiếp tục đổi mới các hình thức thi tìm hiểu pháp luật, giao lưu, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ có lồng ghép nội dung pháp luật. Tăng cường tuyên truyền pháp luật tại câu lạc bộ theo hướng sinh hoạt pháp luật theo chuyên đề, trao đổi, giải đáp những tình huống pháp luật từ thực tiễn; phát huy hiệu quả hoạt động của câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp để thu hút sự tham gia và đáp ứng kịp thời nhu cầu tìm hiểu, áp dụng pháp luật của doanh nghiệp. Chú trọng hơn nữa việc lồng ghép nội dung pháp luật vào các buổi giao lưu, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ với các hình thức đa dạng như diễn kịch, ngâm thơ, dựng phim, thi sáng tác ca khúc, sáng tác văn học về đề tài pháp luật...

– Trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, cần tiếp tục huy động sức mạnh và lợi thế sẵn có của báo chí, bao gồm cả báo nói, báo viết, báo hình, báo điện tử trong việc phổ biến, tuyên truyền pháp luật; mở chuyên mục mới, tăng thời lượng, bảo đảm chính xác về nội dung, hình thức thể hiện phong phú, hấp dẫn, trong đó chú trọng tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên báo chí bằng tiếng dân tộc thiểu số và tiếng nước ngoài. Bên cạnh đó, cần sử dụng tối đa các phương tiện phát thanh và truyền hình của các địa phương trong việc PBGDPL; quan tâm đầu tư trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động tuyên truyền, PBGDPL.

– Củng cố hệ thống tủ sách pháp luật ở cấp xã và các cơ quan, doanh nghiệp, trường học; đa dạng hoá các loại hình tủ sách pháp luật, tiến tới kết hợp mô hình tủ sách pháp luật truyền thống với tủ sách pháp luật điện tử; đa dạng hoá các hình thức khai thác và sử dụng tủ sách pháp luật, nhằm đảm bảo cho người dân tiếp cận với sách pháp luật một cách dễ dàng, thuận tiện nhất.

– Tăng cường tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động cho các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, đáp ứng nhu cầu được giải đáp những vướng mắc về pháp luật trong nhân dân; đẩy mạnh quá trình xã hội hoá hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý; mở rộng và nâng cao chất lượng các loại hình trợ giúp pháp lý, trung tâm tư vấn pháp luật, tổ tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể xã hội khác.

– Tăng cường xét xử lưu động tại địa bàn xảy ra vụ án hoặc nơi người phạm tội cư trú, đầu tư kinh phí thích hợp cho xét xử lưu động, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa mà người dân không có điều kiện đến tham dự phiên tòa.

Bên cạnh các hình thức truyền thống, trong thực tiễn công tác PBGDPL đã xuất hiện nhiều hình thức mới, sáng tạo, được áp dụng có hiệu quả ở một số địa phương, cần được tổng kết và nhân rộng như tuyên truyền pháp luật thông qua các cuộc điều tra thăm dò dư luận xã hội nhằm thu thập thông tin phản hồi của cán bộ, nhân dân về hiệu quả thực thi pháp luật, nhu cầu thông tin PBGDPL để từ đó điều chỉnh nội dung, hình thức, biện pháp PBGDPL phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

4.2. Xây dựng Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật

Như đã đề cập ở trên, mặc dù công tác PBGDPL trong thời gian qua đã đạt nhiều kết quả tích cực, nhưng thực tế cho thấy vẫn tồn tại những bất cập, hạn chế. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của công tác PBGDPL còn yếu kém là “thể chế cho hoạt động PBGDPL còn bất cập. PBGDPL là hoạt động liên quan đến tất cả các ngành, các địa phương và toàn bộ đời sống xã hội, song chưa được điều chỉnh bằng một văn bản có giá trị pháp lý cao như Luật, Nghị quyết của Quốc hội nên còn gặp nhiều vướng mắc trong quá trình triển khai và phối hợp thực hiện” [3]. Tại Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, nhiều ý kiến đã đề xuất Quốc hội xây dựng Luật PBGDPL. Các báo cáo của nhiều bộ, ngành, địa phương khi tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình PBGDPL của Chính phủ giai đoạn 2003 - 2007 cũng đã đưa ra kiến nghị này.

Trong điều kiện Việt Nam đang tích cực thực hiện nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế, công tác PBGDPL có vai trò đặc biệt quan trọng, và vì vậy, “phát triển hệ thống thông tin và PBGDPL” [1], “nghiên cứu, ban hành đạo luật riêng về PBGDPL, làm cơ sở pháp lý thống nhất, điều chỉnh toàn diện hoạt động PBGDPL” [2] là một đòi hỏi khách quan của thực tiễn hiện nay. Việc sớm ban hành Luật PBGDPL, một văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao, điều chỉnh thống nhất, toàn diện, cơ bản công tác PBGDPL là hết sức cần thiết, nhằm mục đích và đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, tạo cơ sở pháp lý mạnh, đồng bộ, thống nhất cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực PBGDPL, nâng cao hiệu quả hoạt động PBGDPL.

Thứ hai, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và mọi công dân về vị trí, vai trò của pháp luật và công tác PBGDPL trong đời

sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, nhân dân trong thi hành và chấp hành pháp luật.

Thứ ba, tạo cơ chế đồng bộ, thống nhất và tổng thể để xây dựng nguồn nhân lực cho công tác PBGDPL; tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL.

Thứ tư, việc xây dựng Luật về PBGDPL sẽ tạo cơ sở pháp lý trong việc huy động các cơ quan, tổ chức và địa phương tham gia công tác này; tăng cường cơ chế phối hợp và phân công trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức; thúc đẩy, khuyến khích và thu hút sự quan tâm của Nhà nước và toàn xã hội theo hướng từng bước xã hội hoá công tác PBGDPL.

Thứ năm, thể hiện sự tôn trọng và quyết tâm thực hiện các cam kết quốc tế mà Nhà nước ta đã đưa ra khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong việc công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách của Nhà nước thông qua hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giải thích pháp luật, để mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đều có quyền và được tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận thông tin về chính sách và pháp luật.

Luật PBGDPL sẽ áp dụng đối với các đối tượng là người được PBGDPL, cơ quan, tổ chức, người thực hiện PBGDPL và tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến công tác PBGDPL.

Cũng cần nói thêm rằng, trong Chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội khoá XII có Luật Tiếp cận thông tin. Hai luật này có phạm vi điều chỉnh khác nhau, tuy nhiên, ở chừng mực nhất định trong nội hàm của khái niệm *tiếp cận thông tin*, có tiếp cận thông tin về pháp luật. Trong khi đó, PBGDPL xét về mục tiêu cũng như kết quả của công tác này chính là nhằm giúp các thành viên trong xã hội tiếp cận đầy đủ thông tin pháp luật cần thiết, đưa thông tin pháp luật vào đời sống một cách hệ thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội, 2005.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Thông báo Kết luận số 74 - TB/TW ngày 11/5/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá X) về “Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32- CT/TW*

của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân", Hà Nội, 2007.

- [3] Bộ Tư pháp, *Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội, 4/2008.
- [4] Công ty Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (Concetti), *Báo cáo ban đầu "Khảo sát hiện trạng tiếp cận thông tin pháp luật của người dân ở cơ sở"*, thuộc Dự án VIE/02/015 "Hỗ trợ thực hiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010" từ tháng 12/2007 đến tháng 6/2008, Tài liệu của Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2008.
- [5] Đào Trí Úc (Chủ biên), *Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Đề tài KX-07-17 thuộc Chương trình Khoa học công nghệ cấp Nhà nước giai đoạn 1991 - 1995 KX07, Hà Nội, 1995, 271 trang.